

DN-BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108,543,391,846	111,042,006,545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17,160,363,638	12,026,801,751
1. Tiền	111	5	17,160,363,638	12,026,801,751
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8,953,288,953	7,235,095,882
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10,794,039,628	15,928,240,600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		(1,840,750,675)	(8,693,144,718)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62,642,287,913	62,801,613,428
1. Phải thu của khách hàng	131		60,478,965,525	47,052,345,892
2. Trả trước cho người bán	132		1,753,206,155	411,938,260
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	6	423,993,730	15,351,206,773
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(13,877,497)	(13,877,497)
IV. Hàng tồn kho	140	7	17,321,784,044	19,523,986,057
1. Hàng tồn kho	141		17,321,784,044	19,523,986,057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,465,667,298	9,454,509,427
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		340,454,488	704,819,520
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,125,212,810	8,749,689,907
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78,760,091,629	62,827,800,870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		9,598,707,267	10,357,124,081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	9,550,672,540	10,309,089,354
- Nguyên giá	222		33,470,722,998	32,980,078,500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23,920,050,458)	(22,670,989,146)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	9		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản	230	11	48,034,727	48,034,727
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	61,909,724,059	45,043,861,003
1. Đầu tư vào công ty con	251		28,200,000,000	11,250,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		21,600,000,000	21,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12,109,724,059	12,193,861,003
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		7,251,660,303	7,426,815,786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7,251,660,303	7,426,815,786
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
4. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	270		187,303,483,475	173,869,807,415

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		33,485,197,688	16,391,091,225
I. Nợ ngắn hạn	310		33,369,481,207	16,214,490,363
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		11,677,843,040	
2. Phải trả cho người bán	312		12,469,926,191	9,397,457,261
3. Người mua trả tiền trước	313		152,746,512	49,725,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4,296,842,387	3,994,452,398
5. Phải trả người lao động	315		2,214,315,614	1,343,037,937
6. Chi phí phải trả	316	13	361,525,220	209,690,907
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	632,168,939	243,437,134
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1,564,113,304	976,689,726
II. Nợ dài hạn	330	15	115,716,481	176,600,862
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		12,000,000	107,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		103,716,481	69,600,862
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		153,818,285,787	157,478,716,190
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	153,818,285,787	157,478,716,190
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,102,373,080	54,102,373,080
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(6,892,740,100)	(6,892,740,100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,016,325,711	22,001,562,938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,510,367,524	3,062,920,532
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8,081,959,572	15,204,599,740
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
III. Lợi ích cổ đông tối thiểu	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300 + 400)	440		187,303,483,475	173,869,807,415

Ngày tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP CN THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

ĐỊA CHỈ: YÊN NGHĨA -HÀ ĐÔNG -HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

Quý II năm tài chính 2012

Mẫu số : Q-03d

DN-BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÍ

Đơn vị tính: ĐồngVN

CHỈ TIÊU	MÃ CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	QUÝ NÀY NĂM NAY	QUÝ NÀY NĂM TRƯỚC	SỐ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY (NĂM NAY)	SỐ LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY (NĂM TRƯỚC)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		46,834,449,332	86,533,305,342	80,911,622,731	143,944,714,749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		159,565,454	37,191,636	253,528,272	63,791,636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		46,674,883,878	86,496,113,706	80,658,094,459	143,880,923,113
4. Giá vốn hàng bán	11		40,786,977,744	76,331,072,743	70,546,958,466	125,483,459,165
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5,887,906,134	10,165,040,963	10,111,135,993	18,397,463,948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		715,719,999	2,718,281,926	1,876,778,368	4,639,943,702
7. Chi phí tài chính	22		(714,815,529)	5,571,555,784	(2,667,470,185)	6,792,308,856
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120,548,598	19,492,823	150,730,225	85,813,525
8. Chi phí bán hàng	24		768,547,693	898,826,302	1,080,868,099	1,311,577,622
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,581,542,510	1,889,410,265	4,088,570,576	3,793,348,463
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		3,968,351,459	4,523,530,538	9,485,945,871	11,140,172,709
11. Thu nhập khác	31		123,922,620	17,440,171	325,002,620	181,930,778
12. Chi phí khác	32		24,000,000	38,090,655	48,222,268	56,091,467
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		99,922,620	(20,650,484)	276,780,352	125,839,311
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết , liên doanh	45		-	-		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4,068,274,079	4,502,880,054	9,762,726,223	11,266,012,020
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		715,797,798	836,705,387	1,970,466,651	2,329,988,379
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3,352,476,281	3,666,174,667	7,792,259,572	8,936,023,641
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		504.8	523.7	1,173.4	1,276.6

Lập, ngày tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ -PPTT-QUÝ

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		40,391,414,023	136,700,947,313
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-14,512,407,185	-134,870,089,348
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2,581,451,051	-6,689,800,439
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-120,548,598	-66,320,702
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			-1,201,856,331
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10,056,211,836	206,034,100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-7,561,810,000	-5,610,792,095
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25,671,409,025	-11,531,877,502
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-960,370,058	-593,404,373
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-16,950,000,000	-1,644,791,250
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1,260,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,000,000	790,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-17,908,370,058	-188,195,623
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10,847,638,960	12,566,409,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-3,544,509,040	-10,743,585,000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-9,932,607,000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-2,629,477,080	1,822,824,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5,133,561,887	-9,897,249,125
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,026,801,751	35,224,018,545
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17,160,363,638	25,326,769,420

Lập, ngày tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh bao bì
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa
Kinh doanh vật tư, vận tải,...
Khai thác chế biến quặng kim loại quý hiếm (trừ những loại nhà nước cấm);
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 178 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính bán thành phẩm vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vô bao sản xuất.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá là toàn bộ khoản tiền Công ty đã chi ra để có được quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian khai thác của mỏ đá.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 tại công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2011 : 20.618 VND/USD
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số 30/06/2012	Số đầu năm
Tiền mặt	200.715.492	5.481.653
Tiền gửi ngân hàng	4.592.648.146	1.154.320.098
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	12.367.000.000	10.867.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	12.367.000.000	10.867.000.000
Cộng	17.160.363.638	12.026.801.751

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số 30/06/2012		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư Cổ phiếu ngắn hạn		10.794.039.628		15.928.240.600
Công ty CP Cung ứng nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Đà	12	-	12	-
Công ty CP Cảng Đoạn Xá	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	60	755.100	60	755.100
Công ty CP Chứng khoán SHB	4.000	40.000.000	4.000	40.000.000
Công ty CP Đầu tư và XD Sao mai tỉnh An Giang	106,000	1,731,100,000	20.000	401.866.882
Công ty CP Sông Đà 9			19.800	536.020.000
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	15.000	274.800.000	15.000	274.800.000
Công ty CP Thép Việt Ý			62.790	1.826.815.220
Công ty CP Nhựa và Môi trường An Phát	50,000	1,006,759,575	114.700	2.154.466.953
Tổng công ty xuất khẩu VN			-	-
Công ty CP Licogi 16	226,500	3,626,706,000	285.000	4.876.500.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long giang			20.000	412.620.499
Hoàng Anh Gia lai	86,000	2,392,400,000	-	-
Công ty chế tạo tân tạo	12,000	88,800,000	-	-
Công ty chứng khoán kim long	28,000	294,800,000		
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng tiền giang	50,000	560,200,000		
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức			65.620	2.223.190.000
Công ty CP Khai Khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh	77,800	777,718,953	91.300	1.138.385.946
Công ty CP Địa ốc Sài gòn Thương tín			20.000	432.500.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Từ Liêm			56.720	1.610.320.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số 30/06/2012		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác		-		-
Trái phiếu chuyển đổi SHB		-		-
Cộng		10.794.039.628		15.928.240.600

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- + Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và XD Sao Mai tỉnh An Giang:
 - Mua thêm 100.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.667.000.000 VND
 - Bán 29.930 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 664.264.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Ý:
 - Bán 62.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 978.400.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Nhựa và Môi trường An Phát:
 - Mua thêm 30.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 603.600.000 VND.
 - Bán 14.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 331.880.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức:
 - Mua thêm 10.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 142.000.000 VND.
 - Bán 65.000 cổ phiếu với giá tương ứng số tiền là 1.094.800.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty CP Khai Khoáng và Cơ khí Hữu nghị Vĩnh Sinh:
 - Mua thêm 75.200 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 644.450.000 VND.
 - Bán 92.700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.015.940.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty Hoàng anh Gia lai:
 - Mua thêm 86.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 2.392.400.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty chế tạo tân tạo :
 - Mua 12.000 cổ phiếu với số tiền là 88.800.000 VND.
- + Cổ phiếu Công ty chứng khoán Thăng Long :
 - Mua 28.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 294.800.000 VND
- + Cổ phiếu Công ty đầu tư phát triển tiền giang :
 - Mua 50.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 560.200.000 VND

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đến 31 tháng 3 năm 2012	(5.858.514.541)
Số hoàn nhập trong kỳ	4.017.763.866
Số đến 30/06/2012	(1.840.750.675)

4. Phải thu khách hàng

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Công ty TNHH Tân Phú Chung	10,000,000	65,000,000
Công ty CP xi măng Phú Thọ	60,953,273	60,953,273
Công ty TNHH ITV XM Vicem HTThạch	308,246,400	308,246,400
Công ty TNHH TMDV XNK Hà Phát	24,693,420	24,693,420
Công ty xi măng CHINFON	4,065,410,000	4,378,250,000
Công ty CP xi măng và KS Yên Bái	3,470,460,000	2,530,460,000
Công ty TNHH Dương Hồng	2,128,847,500	1,971,847,500
Cty CP xi măng Hạ Long	8,763,460,666	2,947,514,590

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Viện chuyên ngành Bê Tông	12,100,000	
DNTN Tài Vinh	4,127,200	
Công ty cổ phần Việt Thịnh	344,532,649	395,648,149
Cty CP XM Yên Bình	11,235,371,400	12,810,296,400
Công ty TNHH ITV xi măng Hiệp phước	16,548,277,660	12,205,001,910
Công ty TNHH Phú Thiện Phát	150,000	
Công ty Cổ phần XM Đồng Bành	5,687,379,902	7,405,171,000
Công ty CPhân VIPACO	730,252,886	584,793,363
Công ty TNHH SX KD TM An Phú	1,664,589,300	977,039,000
MID PACKAGING	1,015,458,517	556,846,161
Công ty CP Thái Dương (Xi Măng)	340,350,000	
Cty TNHH in và Quảng cáo Trí Tuệ		6,000,000
Công ty TNHH Giấy Phương đông		694,604,068
Công ty CP TMĐT Hưng Phước	1,481,500,000	1,123,600,000
Công ty TNHH Thuận lợi		368,500,000
PROVEN SYNERGY	245,853,712	
KU WAIT ENGINE ERING		485,846,425
Công ty NATIONAL		309,087,520
Cty cổ phần VLXD Hà Nội HP	734,468,000	
Công ty TNHH Maineti Việt nam	270,233,040	
Cty CP ứng dụng và chuyển giao CN XD	40,280,000	
Công ty cổ phần bao bì Tiền Phong	1,122,000,000	
Công ty cổ phần sông đà 2	169,970,000	
Cộng	60.478.965.525	50.256.471.659

5. Trả trước cho người bán

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Công ty Cổ phần Bao Bì Hoàng Hải	101.566.080	101.566.080
Công ty TNHH TMDV Nhựa Gia Phú		
Công ty TNHH Đức Dung		183.735.000
Công Ty TNHH Đông á		301.984.200
Công ty cổ phần công nghệ OSB		70.950.000
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thành gia	2.832.180	
Công ty TNHH tân Phú Chung	150.000.000	
Công ty TNHH Song hỷ	4.290.000	
Công ty cổ phần định giá Việt nam	15.000.000	
Công ty TNHH ĐT thương mại Huy Phát	1.460.000.000	
Đối tượng khác	18.047.895	43.722.180
Cộng	1.753.206.155	701.957.460

6. Các khoản phải thu khác

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	50.491.030	36.057.171
Khoản cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại		
VTKS Xuân Minh vay	102.000.000	102.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Tiền chuyển nhượng vốn của STP cho Ông Phạm Anh Tuấn	246.461.044	375.000.000
Tiền góp vốn Công ty TNHH Sơn Tùng	224.005.632	14.012.761.842
Phải thu tiền cho Ông Chu Đức Trí vay	38.000.000	38.000.000
Các đối tượng khác		12.163.652
Cộng	670.454.774	14.575.982.665

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng cho khoản công nợ quá hạn thanh toán từ 1 đến dưới 2 năm

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số đến 30 tháng 6 năm 2012
Số đầu năm	(13.877.497)
Trích lập dự phòng bổ sung	
Số 30/06/2012	(13.877.497)

8. Hàng tồn kho

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Nguyên liệu, vật liệu	4.756.204.904	9.696.368.943
Công cụ, dụng cụ	114.012.944	114.012.944
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.088.611.306	8.500.806.594
Thành phẩm	2.611.279.916	3.351.450.480
Hàng gửi đi bán	2.751.674.974	
Cộng	17.321.784.044	21.662.638.961

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Tạm ứng	93.000.000	505.014.654
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.785.751.766	506.727.783
Cộng	1.878.751.766	1.011.742.437

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu quý	8.468.791.171	22.246.673.216	1.291.552.684	503.335.869	32.510.352.940
Tăng trong quý	-				
Mua sắm mới	-			52.931.818	52.931.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	907.438.240			907.438.240
Giảm do thanh lý	-				

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối quý	8.468.791.171	23.154.111.456	1.291.552.684	556.267.687	33.470.722.998
<i>Trong đó:</i>	-				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.760.345.230	-	-	105.649.346	11.865.994.576
Giá trị hao mòn					
Số đầu quý	5.016.725.219	16.865.154.948	874.994.692	284.466.996	23.041.341.855
Tăng trong quý do khấu hao	167.290.227	618.225.575	64.577.634	28.615.167	878.708.603
Giảm do thanh lý					
Số Cuối quý	5.184.015.446	17.483.380.523	939.572.327	313.165.492	23.920.050.458
Giá trị còn lại					
Số đầu quý	3.452.065.952	5.381.518.268	416.557.992	218.868.873	9.469.011.085
Số cuối quý	3.284.775.725	5.670.730.933	351.980.357	243.102.195	9.550.672.540

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số 31/03/2012	Chi phí phát sinh trong quý	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Số 30/06/2012
Mua sắm TSCĐ	-	907.438.240	907.438.240	-
XDCB dở dang	48.034.727			48.034.727
- Khu nhà văn phòng làm việc tại Xã Mỹ Đình	48.034.727			48.034.727
Nhà làm việc 2 tầng	-			-
Cộng	48.034.727	907.438.240	907.438.240	48.034.727

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số 30/06/2012		Số 31/03/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Địa chất ⁽²⁾		21.600.000.000		21.600.000.000
Cộng		21.600.000.000		21.600.000.000

Là khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m2 nằm trong tổng thể 21.290 m2 đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Bên Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà chiếm 80% tỷ lệ vốn góp. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số 30/06/2012		Số 31/03/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Xi măng Đá vôi Phú Thọ	100.000	1.050.000.000	100.000	1.050.000.000
- Công ty Cổ phần Vinaconex 45	125.000	2.775.000.000	125.000	2.775.000.000
- Công ty Cổ phần Hicorp	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác				
DNTN dịch vụ trồng rừng 327		1.907.402.003		1.907.402.003
Công ty Cổ phần Lộc Ninh		4.311.459.000		4.311.459.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp STP		65.863.056		150.000.000
Cộng		12.109.724.059		12.193.861.003

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu quý	Chi phí phát sinh trong quý	Phân bổ vào chi phí trong quý	Kết chuyển giảm khác	Số 30/06/12
CCDC chờ phân bổ	206.937.111	136.954.652	73.166.424		270.725.339
Chi phí sửa chữa nhà cửa					
Chi phí thuê đất	86.530.215		1.095.321		85.434.894
Quyền khai thác mỏ đá	6.952.156.250		126.693.750		6.825.462.500
Chi phí thiết kế website	7.222.235		1.666.665		5.555.570
Chi phí dịch vụ thành viên Website	9.675.000	64.500.000	9.675.000		64.500.000
Cộng	7.262.520.811	201.454.652	212.297.160		7.251.678.303

15. Phải trả người bán

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Tiền bảo hành máy	478.414.994	478.414.994
Công ty CP Giấy Hoàng Văn Thụ	625.615.905	717.236.505
HTX Cổ phần Việt Nhật	276.583.355	276.583.355
Công ty TNHH Thành Dũng	804.725.090	
Công ty TNHH SX giấy và BB Phương Đông	2.523.008.462	
Công ty TNHH Dương Hồng	590.909.091	
Công ty giấy việt trì	1.636.135.284	1.017.958.588
Công ty cổ phần hoá chất HP Hải phòng	1.277.478.000	437.100.000
Công ty TNHH Giấy Mỹ Hương	73.263.350	73.263.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Công ty CP DVTM&VTtransco	129.535.416	123.143.160
Công ty Cổ phần Bao bì ngân hạnh	277.023.000	
Công ty TNHH lộc dung	140.650.200	215.160.000
Công ty CP DVTM VINAINVESTCO		109.560.000
Công ty TNHH công nghệ tự động kim cơ	101.767.971	101.767.971
Đối tượng khác	1.074.733.089	595.417.197
Cộng	10.009.843.207	4.145.605.120

16. Người mua trả tiền trước

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu		133.590.000
Công ty cổ phần thái dương	28.160.000	28.160.000
Công ty TNHH Thành Nam phương		32.091.500
Công ty CP SX tôn màu POSHACO		109.451.140
Xuất khẩu	117.761.512	
Các đối tượng khác	6.825.000	
Cộng	152.746.512	303.292.640

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số 31/03/12	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp trong quý	Số 30/06/12
Thuế GTGT hàng bán nội địa		831.008.009		831.008.009
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	836.639.932	1,483,441,433	1.979.626.877	340.454.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.868.191.782	715,797,798	1.254.668.853	3.329.320.727
Thuế thu nhập cá nhân	135.084.001	47,732,703	46.303.053	136.513.651
Tiền thuê đất				
Các loại thuế khác				
Cộng	4.839.915.715	3.077.979.943	3.280.598.783	4.296.842.387

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
 Công ty được giảm 30% thuế TNDN trong 6 tháng cuối năm 2012.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Quý II năm 2012	Quý I năm 2012
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.068.274.079	5.694.453.144
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	24.000.000	24.222.268
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.000.000	24.222.268

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý II năm 2012	Quý I năm 2012
+) Thu lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	24.000.000	24.000.000
+) Tiền phạt do nộp chậm thuế		222.268
+) Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.000.000	700.000.000
+) Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 2008		
+) Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư		700.000.000
+) Lãi đầu tư tài chính		
+) Cổ tức được chia từ các công ty niêm yết	2.000.000	
Thu nhập chịu thuế	4.090.273.079	5.018.675.412
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.022.568.079	1.254.668.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết số 30/2008 của chính phủ (30% thuế thu nhập phải nộp)	306.770.481	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	715.797.789	1.254.668.853

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Là khoản phải trả chi phí vận chuyển tháng 6/2012

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Bảo hiểm thất nghiệp		8.991.488
Kinh phí công đoàn	164.739.760	86.539.760
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	88.183.527	88.183.527
Tiền BHXH ,BHYT	12.659.028	20.317.702
Cổ tức 2010&2011 phải trả các cổ đông	28.135.350	7.962.000
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	19.716.677	31.476.677
Phải trả công ty chứng khoán Tlong	312.468.000	
Phải trả khác		
Cộng	625.902.342	243.471.154

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số 31.03.12	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong Quý	Số 30/06/2012
Quỹ khen thưởng	653.668.554	745.744.987	155.900.000	1.243.513.541
Quỹ phúc lợi	40.027.775	745.744.988	465.173.000	320.599.763
Cộng	693.696.329	1.491.489.975	621.073.000	1.564.113.304

21. Dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Số đầu quý	101.535.334	69.600.862-
Số đã trích lập trong quý	42.983.197	37.607.472
Số đã chi trong quý	40.802.050	(5.673.000)
Số cuối quý II năm 2012	103.716.481	101.535.334

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**23. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Quỹ khen thưởng phúc lợi</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư 31/03/2012	70.000.000.000	54.102.373.080	(6.892.740.100)	693.696.329	22.001.562.938	3.062.920.532	19.475.258.526	162.443.071.305
Lợi nhuận quý II	-	-	-	-	-	-	4.068.274.079	4.068.274.079
Số phân chia lợi nhuận				1.491.489.975	3.014.762.773	447.446.992	9.961.200.000	14.914.899.740
Số chi trong quý II				621.073.000	3.014.762.773	447.446.992	9.961.200.000	14.044.482.765
Số dư 30 tháng 6 năm 2012	70.000.000.000	54.102.373.080	(6.892.740.100)	1.564.113.304	25.016.325.711	3.510.367.524	8.081.959.572	153.818.285.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Vốn góp của các cổ đông, thành viên,...	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	54.102.373.080	54.102.373.080
Cổ phiếu quỹ	(6.892.740.100)	(6.892.740.100)
Cộng	117.209.632.980	117.209.632.980

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Chia cổ tức năm 2011	9.961.200.000	
Cộng	9.961.200.000	

Cổ phiếu

	Số 30/06/2012	Số 31/03/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	359.200	359.200
- Cổ phiếu phổ thông	359.200	359.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.640.800	6.640.800
- Cổ phiếu phổ thông	6.640.800	6.640.800

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Tổng doanh thu	46.834.449.332	86.533.305.342
- Doanh thu bán hàng hóa	20.478.168.746	33.284.392.724
- Doanh thu bán thành phẩm	26.356.280.586	53.210.844.255
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		38.068.363
Các khoản giảm trừ doanh thu:	159.565.454	37.191.636
- Giảm giá hàng bán	159.565.454	37.191.636
Doanh thu thuần	46.674.883.878	86.496.113.706
Trong đó:	46.674.883.878	86.496.113.706

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	20.252.486.838	33.284.392.724
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	26.422.397.040	53.210.844.255
2. Giá vốn hàng bán		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	14.867.468.020	32.285.783.973
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	25.919.509.724	44.045.288.770
Cộng	40.786.977.744	76.331.072.743
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	40.407.375	38.999.978
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	493.178.972	906.089.438
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.000.000	452.150.000
Lãi về kinh doanh chứng khoán	176.395.652	546.967.110
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.738.000	14.075.400
Lãi khoản đầu tư tài chính		760.000.000
Cộng	715.719.999	2.718.281.926
4. Chi phí tài chính		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Chi phí lãi vay	120.548.598	19.492.823
Lỗ kinh doanh chứng khoán	3.149.995.071	1.208.722.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.750.117	14.272.400
Trích lập dự phòng đầu tư ngắn hạn	(4.017.763.866)	4.291.186.040
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	24.654.551	38.017.332
Cộng	715.719.999	5.571.691.100
5. Chi phí bán hàng		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Chi phí nhân viên	164.000.833	255.000.000
Chi phí vận chuyển, tiếp thị	604.546.860	643.826.302
Cộng	768.547.693	898.826.302
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	1.789.161.859	1.215.567.634
Chi phí vật liệu quản lý	72.875.525	64.996.712
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.846.015	67.282.344
Chi phí khấu hao TSCĐ	112.550.309	103.164.587
Thuế, phí và lệ phí	301.651.204	74.190.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.274.170	116.028.153
Chi phí bằng tiền khác	91.804.469	248.180.458

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Cộng	2.581.542.510	1.889.410.265
7. Thu nhập khác		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Thu phí đào tạo		3.000.000
Thu bán phế liệu	24.421.818	9.600.000
Thu nhập khác	99.500.802	4.840.171
Cộng	123.922.620	17.440.171
8. Chi phí khác		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	24.000.000	28.000.000
Chi phí tiền phạt thuế		10.090.655
Chi phí khác		
Cộng	24.000.000	38.090.655
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.352.476.281	3.621.039.351
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	504.8	523.7
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	Quý II năm 2012	Quý II năm 2011
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.640.800	6.776.300
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	6.640.800	6.776.300

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản cam kết**

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/08/2010 ký với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất để đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m² nằm trong tổng thể 21.290 m² đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội, Công ty cam kết sẽ góp 80% trong tổng vốn đầu tư của dự án là 45 tỷ đồng. Việc góp vốn này được thực hiện theo tiến độ thi công của dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp được 21.600.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Các khoản loại trừ	Cộng
Quý II năm 2012				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	26.356.280.586	20.478.168.746	159.565.454	46.834.449.332
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.356.280.586	20.478.168.746	159.565.454	46.834.449.332
Lợi nhuận từ hoạt động kinh				5.887.906.134
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế				4.068.274.079
Doanh thu hoạt động tài chính				715.719.999
Chi phí tài chính				(714.815.529)
Thu nhập khác				123.922.620
Chi phí khác				24.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				4.090.273.079
)Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%				306.770.48
Lợi nhuận sau thuế TNDN				3.352.476.281
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác				960.370.058
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.091.005.763

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối quý			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Cộng</u>
Tài sản trực tiếp của bộ phận			
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>187.303.483.475</u>
Tổng tài sản			<u>187.303.483.475</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			<u>33.485.197.688</u>

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và Quảng Ninh. Thanh Hoá

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý II năm 2012</u>
Khu vực Hà Nội	15.180.823.328
Khu vực Hải Phòng	12.336.754.818
Khu vực Yên Bái	5.377.090.909
Khu vực Hải Dương	
Khu vực Quảng Ninh	5.287.223.705
Khu vực khác	<u>9.014.203.228</u>
Cộng	<u>46.834.449.332</u>

Các chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có tại khu vực Hà Nội

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Bé

Trần Đức Uyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CP CNTM SÔNG ĐÀ

-----๖๗๘-----

SốCT/TCKT

(v/v: Giải trình chênh lệch

Số liệu báo cáo Công ty mẹ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----๖๗๘-----

Hà Nội, ngày.....tháng 07 năm 2012

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU
GIỮA BCTC QUÍ II NĂM 2012 VÀ BCTC QUÍ II NĂM 2011**

**KÍNH GỬI: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà xin giải trình về chênh lệch số liệu BCTC quý II năm 2012 so với BCTC quý II năm 2011, cụ thể như sau:

I. Giải trình về chênh lệch doanh thu và lợi nhuận quý II/2012 so với quý II năm 2011:

TT	Nội dung	Quý II năm 2011	Quý II năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu	86.496.113.706	46.674.883.878	(39.821.229828)	(46,03%)
2	Lợi nhuận sau thuế	3.666.174.667	3.352.476.281	(313.698.386)	(8,55%)

Nguyên nhân:

Quý II năm 2012 tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn do chịu tác động của hàng loạt các yếu tố bất ổn về kinh tế, nhu cầu về bao bì xi măng giảm bất thường so với cùng thời kỳ này năm trước (trong khi đó hoạt động sản xuất vỏ bao chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty). Yếu tố này đã làm doanh thu của công ty giảm mạnh (46,03%). Tuy nhiên với sự cố gắng nỗ lực của CBCNV đơn vị đã tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả hoạt động nên so với cùng kỳ lợi nhuận sau thuế chỉ giảm 8,55%.

Trên đây là việc giải trình các khoản chênh lệch doanh thu, lợi nhuận của quý II năm 2012 so với quý II năm 2011 của Công ty CP Công nghiệp Thương mại Sông Đà.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như kính gửi

- Lưu P.TCHT